

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG NHÉ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/HS-ST
Ngày 08-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG NHÉ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Phấn

Ông Trịnh Xuân Phùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2020/TLST-HS ngày 29/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HS ngày 24/6/2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Giàng A Gi** (Tên gọi khác: Giàng A D); Sinh năm 1990 tại xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản Ch, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giàng A D (sinh năm 1940) và bà Cừ Thị P (sinh năm 1940); Có vợ là Hạng Thị Ch (sinh năm 1991) và có 03 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/6/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/3/2020 đến ngày 08/6/2020, bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2020 đến nay, có mặt.

2. Bị cáo **Chang A Nh** (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1997 tại xã Kh, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản Ch, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chang A S (sinh năm 1975) và bà Hạng Thị S (sinh năm 1975); Có vợ là Cừ Thị Ch (sinh năm 1999) và có 03 con; Tiền sự: Không; Tiền án: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/3/2020 đến ngày 08/6/2020; bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2020 đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Pờ Go L, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt

Bị hại:

-Anh Hà Văn Đ; Sinh năm 1983, trú tại: Bản N, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

-Anh Lò Văn H; Sinh năm 1990, trú tại: Bản N, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không lý do.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-Anh Phàng A Ph, sinh năm 1979, trú tại: Bản N, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Anh Sùng A S, sinh năm 1989, trú tại: Bản N, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

-Anh Chang A M; Sinh năm 1996, trú tại: Bản Ch, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người làm chứng:

-Anh Phàng A Ph; Sinh năm 1990, trú tại: Bản N, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 01/3/2020 Giàng A Gi và Chang A Nh đi bắt chuột ở khu vực bản M, xã M, huyện M nhưng không bắt được chuột nên quay về. Khoảng 20 giờ 30 phút về đến khu vực bản Ch, xã N, huyện M thì Gi dùng đèn pin soi và nhìn thấy một con trâu đực khoảng 4 tuổi và một con trâu cái khoảng 7 tuổi, quan sát thấy trời tối và không thấy người chăn dắt nên Gi nảy sinh ý định dắt trộm hai con trâu bán để lấy tiền tiêu dùng cá nhân. Gi chủ động rủ Nh dắt trộm trâu đi bán và được Nh đồng ý sau đó cả hai đi tìm dây thừng buộc và dắt trâu về buộc tại bãi ruộng ở bản T, xã M, huyện M rồi quay về nhà. Sau đó Gi liên hệ với Giàng A Ph để bán trâu (Gi tự xưng tên là Ch) và hẹn Ph sáng ngày 02/3/2020 sẽ mua bán trâu ở bản T, xã M, huyện M. Khoảng 5 giờ ngày 02/3/2020 Chang A Nh mượn xe máy của Chang A M sang nhà đón Giàng A Gi đi đến điểm hẹn chỗ bán trâu, đi đến gần chỗ buộc hai con trâu Giao bảo Nh đứng chờ và Gi tự dắt hai con trâu đi đến chỗ hẹn bán cho Ph và S. Khoảng 9 giờ ngày 02/3/2020 Ph đi cùng Sùng A S và Phàng A Ph đến điểm hẹn mua bán trâu và hai bên thống nhất Giàng A Ph và Sùng A S sẽ mua hai con trâu với giá 55.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*), trong đó Phàng A Ph bỏ ra 25.000.000 đồng và Sùng A S bỏ ra 30.000.000 đồng. Mua bán xong Ph và S yêu cầu Gi về xã làm giấy tờ mua bán nhưng Gi nói dối là không mang giấy tờ tùy thân và bảo với Ph và S là đi về bản T để làm giấy tờ, đi được một đoạn thì Gi giả vờ đi vệ sinh và bỏ trốn ra chỗ Nh đang đợi và cùng Nh quay về nhà, Gi nói với Nh là bán trâu được 55.000.000 đồng. Ph và S có gọi điện cho Gi và yêu cầu Gi quay lại giải quyết thì Gi nói là Gi sẽ trả lại tiền cho Ph và S, Gi cắt 53.500.000 đồng bên lề đường cạnh bãi ruộng sau đó chỉ cho Ph chỗ cất tiền để Ph và S đến lấy và Gi lấy 1.500.000 đồng trong số đó và đi

về nhà.

Quá trình điều tra làm rõ: Con trâu đực khoảng 4 tuổi thuộc sở hữu của gia đình anh Hù Văn Đ; Con trâu cái khoảng 7 tuổi thuộc sở hữu của gia đình anh Lò Văn H, cùng ở bản N, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên;

Cùng ngày 02/3/2020 Phàng A Ph, Sùng A S và Phàng A Ph dắt hai con trâu này đến Công an xã M trình báo sự việc.

Hồi 13 giờ ngày 02/3/2020 Giàng A Gi và Chang A Nh đến Công an huyện Mường Nhé để khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐ ĐGTSTTHS ngày 11/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự UBND huyện Mường Nhé kết luận:

Một con trâu cái lông màu đen, khoảng 7 tuổi, cặp sừng dài 50 cm, tai phải có vết cắt có giá 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*),

Một con trâu đực lông màu đen, khoảng 4 tuổi, cặp sừng dài 30 cm, tai phải có vết cắt có giá 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*),

Tổng giá của hai con trâu mà các bị cáo trộm cắp là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

Trong quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Nhé đã thu giữ: 02 đoạn dây thừng; 02 đèn pin của Giàng A Gi và Chang A Nh; 01 điện thoại hiệu VIVO của Giàng A Gi; 01 điện thoại hiệu NOKIA 1280 của Phàng A Ph; 01 xe máy cũ đã qua sử dụng nhãn hiệu HONDA WaveRS màu đỏ đen, biển kiểm soát 27 S1-03762, số khung 526CY706109, số máy JC52E0029084 của Chang A M (kèm 1 chìa khóa xe); tiền 1.500.000 đồng do Giàng A Gi giao nộp; 02 con trâu bị cáo đã trộm cắp và 53.500.000 đồng (*Năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 29/4/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Mường Nhé đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Hù Văn Đ 01 con trâu đực 4 tuổi và trả lại cho anh Lò Văn H 01 con trâu cái 7 tuổi.

Ngày 23/3/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Mường Nhé đã trả lại cho anh Phàng A Ph và anh Sùng A S số tiền 53.500.000 đồng (*Năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 29/4/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Mường Nhé đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Chang A M 01 xe máy HONDA WaveRS màu đỏ đen, biển kiểm soát 27 S1-03762 (kèm 01 chìa khóa xe).

Cáo trạng số 25/CT-VKS-MN ngày 28/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé đã truy tố Giàng A Gi và Chang A Nh để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố, phân luận tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm c khoản 2 điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng A Gi từ 28 đến 34 tháng tù; Áp

dụng điểm c khoản 2 điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Chang A Nh từ 24 đến 30 tháng tù; Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho anh Phàng A Ph và anh Sùng A S 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*); Trả lại cho anh Phàng A Ph 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 1280 màu tím đen, loại có bàn phím; Tịch thu tiêu hủy: 02 đèn pin và 02 đoạn dây thừng; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại hiệu VIVO của Giàng A Gi. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã tóm tắt ở trên và đúng như cáo trạng truy tố. Các bị cáo không tranh luận gì với luận tội của Viện kiểm sát, lời sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Riêng bị cáo Giàng A Gi không nhất trí với yêu cầu của anh S và anh Ph đòi bồi thường tiền công đi mua trâu mỗi người 1.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Chang A M tại phiên tòa khai: Khi cho Chang A Nh mượn xe máy không hề biết Nh dùng xe máy để đi bán trâu trộm cắp được và cũng không biết gì về việc Nh đi trộm trâu và bán trâu, anh M đã nhận lại xe máy và không đề nghị gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phàng A Ph và anh Sùng A S tại phiên tòa khai: Khi mua trâu không biết đó là trâu trộm cắp được, khi phát hiện Giàng A Gi bỏ trốn anh Ph và anh S đã dắt hai con trâu về giao cho chính quyền địa phương. Anh Ph và anh S yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.500.000 đồng trong số tiền mua trâu đã đưa cho bị cáo Gi (anh Ph yêu cầu trả lại 1.000.000 đồng, anh S yêu cầu trả lại 500.000 đồng). Anh Ph và anh S còn yêu cầu bị cáo Gi bồi thường tiền công mà anh Ph và anh S đi mua trâu với bị cáo Gi, mỗi người yêu cầu bị cáo Gi bồi thường 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

Bị hại anh Hù Văn Đ tại phiên tòa khai: Đã nhận lại tài sản bị mất là con trâu đực 4 tuổi, anh Đ cũng đã nhận được tiền bồi thường cho công đi tìm kiếm trâu là 1.800.000 đồng. Tại phiên tòa không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự và đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định pháp luật.

Bị hại anh Lò Văn H vắng mặt tại phiên tòa không lý do, tuy nhiên lời khai và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đều thể hiện anh H đã nhận lại tài sản bị mất là con trâu cái 7 tuổi, đã nhận được tiền bồi thường cho công đi tìm kiếm trâu là 1.800.000 đồng.

Người làm chứng anh Phàng A Ph tại phiên tòa khai: Anh Ph không phải là người mua trâu của các bị cáo mà anh Phua chỉ đi cùng Phàng A Ph và Sùng A S, anh Ph chứng kiến sự việc các bị cáo bán trâu cho anh Ph và anh S, sau đó chứng kiến việc anh Ph và anh S đi đến đồn công an trình báo sự việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đầy đủ lời khai và ý kiến trong hồ sơ, xét thấy sự vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai: Ngày 01/3/2020 lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu các bị cáo Giàng A Gi và Chang A Nh đã trộm cắp của anh Lò Văn H 01 con trâu cái 7 tuổi, của anh Lò Văn Đ 01 con trâu đực 4 tuổi. Tổng giá trị hai con trâu mà các bị cáo trộm cắp là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*). Lời khai của bị cáo Giàng A Gi phù hợp với lời khai của bị cáo Chang A Nh, phù hợp lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với kết luận điều tra, phù hợp với cáo trạng truy tố và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 25/CT-VKS-MN ngày 28/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé đã truy tố Giàng A Gi và Chang A Nh để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về tính chất vụ án: Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo nghiêm trọng, đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm về trộm cắp tài sản, các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội với tư cách là người thực hành. Bị cáo Chang A Nh tuy không là người nảy sinh ý định phạm tội trước và không trực tiếp giao dịch bán trâu nhưng khi bị cáo Giao bàn với Nh là trộm trâu để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân thì Nh đồng ý và còn tích cực phối hợp cùng với Gi trong việc đi tìm dây thừng để buộc trâu và dắt trâu đi bán. Bị cáo Giàng A Gi là người nảy sinh ý định dắt trộm trâu để bán lấy tiền chia nhau tiêu sài, sau đó trực tiếp gọi điện giao dịch hẹn với người mua trâu, sau khi việc bán trâu không thành công, Gi còn tự ý lấy đi 1.500.000 đồng từ người mua trâu, như vậy trong vụ án này đối với bị cáo Giao cần áp dụng mức hình phạt cao hơn để đảm bảo tính răn đe.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Chang A Nh là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo; Bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình và vợ của bị cáo để tự nguyện bồi thường cho gia đình các bị hại công đi tìm kiếm trâu; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, khi chưa bị phát hiện

các bị cáo đến cơ quan điều tra tự nguyện khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, r, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Giàng A Gi là người có nhân thân xấu, năm 2014 đã bị Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành án xong và được xóa án tích nhưng quá trình trở về địa phương sinh sống bị cáo không tu dưỡng và sửa đổi bản thân mà lại thực hiện hành vi phạm tội và phải bị xét xử như ngày hôm nay. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo; Bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình và vợ của bị cáo tự nguyện bồi thường cho gia đình các bị hại công đi tìm kiếm trâu; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành những công dân có ích cho xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Giàng A Gi từ 28 đến 34 tháng tù; đề nghị xử phạt bị cáo Chang A Nh từ 24 đến 30 tháng tù. Người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo Giàng A Gi từ 28 đến 30 tháng tù, đề nghị xử phạt bị cáo Chang A Nh ở mức thấp nhất theo đề nghị của Viện Kiểm sát và cho bị cáo Nh được hưởng án treo.

Xét thấy đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Gi và Nh là thấp chưa tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, bị cáo Gi là người có nhân thân xấu nên không chấp nhận đề nghị của người bào chữa, cần xử phạt bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát.

Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo còn nhiều khó khăn nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và người bào chữa không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Chang A M, quá trình điều tra đã làm rõ khi cho bị cáo Nh mượn xe máy, anh M không biết bị cáo dùng xe máy đi bán trâu trộm cắp được nên không đặt vấn đề xử lý về hình sự đối với anh M trong vụ án này.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phàng A Ph và anh Sùng A S là hai người đã mua trâu của các bị cáo, quá trình điều tra đã làm rõ khi mua trâu anh Ph và anh S không biết đó là trâu mà các bị cáo trộm cắp được, sau khi các bị cáo bỏ trốn không làm giấy tờ mua bán thì anh Ph và anh S đã chủ động trình báo với công an về sự việc này và giao nộp hai con trâu cho chính quyền địa

phương, do vậy không xem xét xử lý về hình sự đối với anh Ph và anh S trong vụ án này.

Tại phiên tòa, anh S và anh Ph yêu cầu bị cáo Gi bồi thường tiền công đi lại mua trâu, mỗi người yêu cầu bị cáo Gi bồi thường 1.000.000 đồng, tại phiên tòa anh S và Anh Ph không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho việc này và tại phiên tòa bị cáo Gi cũng không nhất trí bồi thường số tiền này cho anh S và anh Ph, do vậy hội đồng xét xử không xem xét. Anh S và anh Ph có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đầy đủ tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Hù Văn Đ đã nhận lại tài sản bị mất là 01 con trâu đực 4 tuổi. Tại phiên tòa anh Đ không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị hại anh Lò Văn H: Các tài liệu trong hồ sơ thể hiện anh H đã nhận lại tài sản bị mất là 01 con trâu cái 7 tuổi, anh H vắng mặt tại phiên tòa và không có đề nghị gì gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H và anh Đ đã được bồi thường tiền công đi tìm kiếm trâu, mỗi người nhận được 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*). Xét thấy việc thỏa thuận bồi thường tiền công đi tìm kiếm trâu (Biên bản thỏa thuận bồi thường công đi tìm kiếm trâu và biên bản giao tiền ngày 29/6/2020) là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Mường Nhé đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại con trâu đực khoảng 4 tuổi cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Hù Văn Đ và trả lại con trâu cái khoảng 7 tuổi anh Lò Văn H; Trả lại cho anh Phàng A Ph và anh Sùng A S số tiền 53.500.000 đồng (*Năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*); Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Chang A M 01 xe máy HONDA WaveRS màu đỏ đen, biểm kiểm soát 27 S1-03762 (kèm 01 chìa khóa xe). Xét thấy các quyết định xử lý vật chứng này phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với các vật chứng: 02 đoạn dây thừng, 02 đèn pin, xét thấy đây là những công cụ mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu VIVO thu giữ của Giàng A Gi xét thấy còn giá trị sử dụng nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 1280 thu giữ của Phàng A Ph, xét thấy việc mua trâu giữa anh Ph và bị cáo là ngay tình, anh Ph không biết đó là tài sản mà các bị cáo trộm cắp mà có nên cần trả lại chiếc điện thoại này cho anh Phàng A Ph.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng mà bị cáo Giàng A Gi đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Xét thấy việc giao dịch mua bán trâu giữa các bị cáo với anh S và

Anh Ph là giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối theo Điều 127 Bộ luật dân sự nên cần áp dụng Điều 131 Bộ luật dân sự giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu, khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Hai con trâu đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đ và anh H nên cần chấp nhận đề nghị của anh Ph và anh S trả lại cho anh Ph và anh S số tiền 1.500.000 đồng (trả lại cho anh Ph 1.000.000 đồng và trả lại cho anh S 500.000 đồng).

[9] Về án phí: Xét thấy các bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, thường trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn đề nghị miễn án phí nên cần miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Nhé, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người bào chữa. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Giàng A Gi (tên gọi khác: Giàng A D) và Chang A Nh phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

II. Về hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng A Gi **32 (Ba mươi hai)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 09/6/2020).

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b,r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Chang A Nh **26 (Hai mươi sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 09/6/2020).

III. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 121, Điều 131 Bộ luật dân sự:

-Trả lại cho anh Phàng A Ph và anh Sùng A S 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Số tiền này hiện đang tạm gửi tại sổ tài khoản 3949.0.1072731.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Nhé mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Mường Nhé (*Trả lại cho anh Phổng 1.000.000 đồng và trả lại cho anh Sang 500.000 đồng*).

-Trả lại cho anh Phàng A Ph 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 1280 màu tím đen, loại có bàn phím.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 đèn pin (01 đèn pin cũ đã qua sử dụng, loại xạc điện có dây đeo, màu đen của Chang A Nh và 01 đèn pin cũ đã qua sử dụng, loại xạc điện có dây đeo, màu đen của Giàng A Gi) và 02 đoạn dây thừng (01 đoạn dài 3,2 m, đường kính 0,5 cm, có thắt nút hai đầu và 01 đoạn dài 6,4 m, đường kính 0,5 cm, có nút thắt hai đầu).

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động thu giữ của Giàng A Gi, điện thoại cũ đã qua sử dụng, nhãn hiệu VIVO, màn hình cảm ứng màu đen và 01 sim điện thoại có số thuê bao 0838306082, sim điện thoại hoạt động bình thường (thẻ sim được nắp bên trong điện thoại).

Chi tiết các vật chứng trên được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/5/2020 giữa Công an huyện Mường Nhé và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Nhé.

IV. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

V. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA (TAND tỉnh Điện Biên);
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Nhé;
- Nhà tạm giữ, Cơ quan THAHS, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Nhé;
- Chi cục THADS huyện Mường Nhé;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại; Người có QL&NV liên quan;
- Lưu: HS, HSTHA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Nhung